

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Ngô Thị Ngọc Anh**

Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm mục tiêu đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp. Trong tiến trình phát triển ấy, gia đình ở Việt Nam đang dần chuyển hóa và mang tính chất của gia đình thuộc nền văn minh công nghiệp. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - công nghệ đã và đang tác động mạnh mẽ đến cuộc sống của mọi người dân trong nhiều lĩnh vực: lao động, nghề nghiệp và sinh hoạt... Quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế cũng như giao lưu văn hoá đã thúc đẩy quá trình biến đổi đến cấu trúc thiết chế, chức năng cũng như một số giá trị về gia đình ở Việt Nam.

Sự biến đổi của kinh tế-xã hội tác động đến gia đình, đặt gia đình ở Việt Nam đứng trước nhiều thuận lợi cũng như nhiều khó khăn, thách thức cần phải vượt qua. Làm thế nào tranh thủ được thuận lợi, vượt qua thách thức để gia đình ở Việt Nam vừa tiếp thu được những giá trị khoa học-công nghệ tiên tiến của nền văn minh công nghiệp, vừa phát huy được những giá trị, bản sắc tốt đẹp của gia đình truyền thống là vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giữ vững sự ổn định của gia đình - tế bào của xã hội, trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Gia đình có mối quan hệ trực tiếp đến chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia. Gia đình trên một bình diện nhất định, được xem là động lực, là mục tiêu của sự phát triển xã hội. Gia đình là phạm trù xã hội có tính đặc thù và nội hàm liên quan đến nhiều vấn đề của cộng đồng, quốc gia; là nguyên nhân gia tăng hay giảm dân số; là cái nôi nuôi dạy, hình thành nhân cách của những chủ nhân tương lai của đất nước. Vấn đề gia đình, lợi ích của các thành viên trong gia đình luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, thể hiện qua Luật Hôn nhân và Gia đình, cũng như trong nhiều văn kiện của Đảng, chính sách của Nhà nước. Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã ghi: "Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng

* Tiến sĩ, Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em. Việt Nam.

và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào mạnh của xã hội"¹. Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 xác định rõ: "... tăng cường vai trò của gia đình và thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình là các giải pháp cơ bản để đảm bảo tính bền vững của chương trình dân số và phát triển"².

I. THỰC TRẠNG GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Về qui mô gia đình:

+ Qui mô gia đình ở Việt Nam có xu hướng nhỏ lại. Điều tra dân số những năm gần đây cho thấy, qui mô trung bình của gia đình ở nước ta đã giảm từ 5,22 người/hộ (năm 1979) xuống còn 4,6 người/hộ (năm 1999). Đây là một trong những thành công của quá trình vận động, thực hiện công tác dân số - Kế hoạch hóa gia đình (KHHGD). Qui mô gia đình được thu nhỏ, các gia đình sẽ có điều kiện và thời gian chăm sóc con cái nhiều hơn (xem bảng 1).

Bảng 1: Qui mô hộ gia đình ở Việt Nam giai đoạn 1979 - 1999

Năm	1979	1989	1999
Qui mô hộ GD (người)	5,22	4,84	4,6

(Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em: *Tài liệu nâng cao kiến thức dân số*, tập 2, tr. 11)

+ Giữa các vùng địa lý kinh tế, qui mô gia đình cũng có sự khác nhau. Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 cho thấy, qui mô hộ trung bình của khu vực Tây Bắc là 5,2 (cao nhất cả nước), đồng bằng sông Hồng là 4,1, đồng bằng sông Cửu Long là 4,8. Trên phạm vi cả nước, số hộ 4 người chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến là số hộ 5 người; số hộ từ 1 đến 4 người chiếm 55% tổng số hộ. Đặc biệt, khu vực đồng bằng sông Hồng, trong 3 hộ thì có đến 2 hộ chỉ có từ 1 đến 4 người (xem bảng 2).

Bảng 2: Qui mô hộ trung bình chia theo vùng (năm 1999)

Đơn vị tính: người

Vùng địa lý kinh tế	Qui mô hộ trung bình
Đồng bằng sông Hồng	4,1
Đông Bắc	4,6
Tây Bắc	5,2
Bắc Trung Bộ	4,6
Duyên hải Nam Trung Bộ	4,6
Tây Nguyên	5,0
Đông Nam Bộ	4,8
Đồng bằng sông Cửu Long	4,8

Kết quả trên cho thấy, tuy có giảm đi trong những năm gần đây, song so với các nước phát triển, qui mô gia đình trung bình của Việt Nam vẫn còn lớn. Năm 1999, qui mô gia đình trung bình của Việt Nam là 4,6 trong khi đó năm 1994, Nhật Bản là 2,96, Australia là 3,1 và ngay cả Thái Lan là nước đang phát triển thì năm 2000 qui mô gia đình là 3,96 người/hộ. Mặc dù vậy, theo xu hướng chung toàn cầu, Việt Nam cũng ở trong tình trạng già hoá dân số nhanh.

Bên cạnh đó, một số vấn đề của gia đình, đến giai đoạn này trở thành bức xúc, như tỷ lệ ly hôn ngày một tăng, vấn đề mất bình đẳng giới, bạo lực gia đình, chung sống không có hôn thú... Theo báo cáo của Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, năm 1991, số vụ ly hôn ở Việt Nam là 22.000 vụ, đến năm 1998 đã tăng lên 44.000 vụ. Quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình tuy đã có nhiều tiến bộ, nam giới đã chia sẻ công việc gia đình và chăm sóc con cái, song gánh nặng công việc gia đình dường như vẫn đè nặng lên vai người phụ nữ. Trong phân công, hợp tác lao động giữa hai giới, sự bất bình đẳng giới vẫn còn diễn ra ở nhiều nơi.

2. Về chức năng

Trong thời kỳ đổi mới, quan hệ giữa gia đình với các thiết chế xã hội được khẳng định, gia đình đã có những tác động tích cực đến các thiết chế khác. Từ Đại hội VI của Đảng (1986), hộ gia đình đã được xác định là “một đơn vị kinh tế”, vị thế của gia đình ngày càng được củng cố và khẳng định, đồng thời các chức năng của gia đình đã có nhiều biến đổi. Chức năng sinh sản, tái sản xuất ra sức lao động đã dịch chuyển từ quá trình tự nhiên sang quá trình tự giác, thực hiện theo mục tiêu giảm sinh, gia đình qui mô nhỏ. Chức năng làm kinh tế của gia đình đã có rất nhiều thay đổi, trước kia gia đình là đơn vị kinh tế tự nhiên phổ biến, tự chịu trách nhiệm sản xuất kinh doanh cũng như lo tính toán tổ chức, thu nhập, tiêu dùng... Đến giai đoạn hiện nay, kinh tế hộ cùng phát triển theo qui mô kinh tế tập thể có sự chỉ đạo của kinh tế nhà nước, đã tạo cơ hội cho nhiều mô hình kinh tế gia đình phát triển. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục con cái - bất luận trong thời cuộc nào cũng là chức năng cơ bản mang tính xã hội và văn hoá, đến nay càng được nhấn mạnh vào việc quan tâm đến hình thành nhân cách cho trẻ về cả trí lực, thể lực và đạo đức. Một đặc thù của gia đình ở Việt Nam là chức năng bảo đảm sự cân bằng về tâm lý, tình cảm và thỏa mãn nhu cầu tinh thần của mỗi thành viên. Trong cuộc đời mỗi con người, gia đình bao giờ cũng là bến đỗ bình yên, là chỗ cho ta nghỉ ngơi sau những thời gian lao động mệt nhọc, là nơi ta sẽ chia sẻ thành công trong sự nghiệp và cũng là nơi trú ẩn cho ta khi cuộc đời có nhiều bão táp phong ba. Đặc biệt trong thời kỳ kinh tế thị trường, chức năng cần được quan tâm là chức năng chăm sóc sức khỏe cho người tàn tật, người già. Các gia đình hiện nay đều chú trọng đến việc chăm sóc sức khỏe cho từng thành viên trong gia đình, chăm lo nuôi dưỡng cho cha mẹ già.

Trong sự biến đổi của đất nước, vấn đề gia đình đã và đang đứng trước nhiều sự chuyển đổi tác động sâu sắc đến lối sống và quan niệm liên quan đến hệ giá trị của gia đình truyền thống Việt Nam, đặt gia đình đứng trước những thử thách mới.

II. NHỮNG THÁCH THỨC

1. Quá trình hạt nhân hóa gia đình

Ở Việt Nam, tỷ lệ gia đình hạt nhân 2 thế hệ (bố mẹ, các con) chiếm tỷ lệ khá cao. Năm 1994, theo kết quả điều tra dân số trên phạm vi cả nước cho thấy, gia đình hạt nhân chiếm 66,55%, trong đó thành thị 63%, nông thôn 76,4% (xem bảng 3). Có thể nói, xu hướng hạt nhân hóa gia đình phát triển mạnh ở cả nông thôn và thành thị.

Điều này sẽ tạo điều kiện thúc đẩy mối quan hệ bình đẳng, dân chủ trong gia đình, hạn chế mâu thuẫn, xung đột của việc sống chung nhiều thế hệ trong một gia đình.

Bảng 3: Tỷ lệ các dạng hộ gia đình ở Việt Nam năm 1994

Đơn vị tính: %

Dạng hộ	Thành thị	Nông thôn	Toàn quốc
Hộ hạt nhân	63,0	67,4	66,6
Hộ độc thân	2,9	4,0	3,9
Hộ mở rộng	34,1	28,6	29,5

(Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em: *Tài liệu nâng cao kiến thức dân số*, tập 2, tr.25)

Việc thay đổi qui mô gia đình đã tạo điều kiện cho việc thúc đẩy mối quan hệ bình đẳng, dân chủ trong gia đình. Điều này còn đồng nghĩa với việc giảm tốc độ tăng dân số, nâng cao chất lượng dân số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, việc giảm sinh cũng đặt ra một số vấn đề đối với việc chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cuộc sống cho người cao tuổi. Đây cũng là một thách thức đối với việc đảm bảo sự bền vững của gia đình trong xu thế chung.

Tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam ngày càng gia tăng. Năm 1979, tỷ lệ này chỉ chiếm 7,1% đến năm 1989 tăng lên 7,2% và năm 1999 là 8,1%. Hiện nay, xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam đang diễn ra khá nhanh. Sự thu hẹp qui mô gia đình cùng với xu hướng hạt nhân hóa gia đình dẫn đến nguy cơ người già dễ rơi vào hoàn cảnh cô đơn, khó khăn trong việc chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần.

2. Trách nhiệm của bố mẹ với việc giáo dục con cái

Hiện nay, trước sự gia tăng của các tệ nạn xã hội, trẻ em dễ trở thành đối tượng bị mua chuộc, lôi kéo vào các loại tệ nạn này. Trong khi đó, do mải lo toan về vấn đề kinh tế, đặc biệt là những gia đình có mức sống thấp, các bậc cha mẹ ít có thời gian chăm sóc, giáo dục, quan tâm đến nhu cầu tình cảm, tâm lý của trẻ, dẫn đến việc trẻ có nhiều thời gian rỗi, tò mò trước những cám dỗ, chạm bẫy mà không lường trước được hậu quả. Hiện nay, nhu cầu chia sẻ tình cảm trong sinh hoạt gia đình của trẻ vị thành niên tương đối cao, các em muốn được cha mẹ, người lớn hướng dẫn trong một số hoạt động, muốn được trao đổi chia sẻ những chuyện vui buồn, nhưng theo kết quả của một số nghiên cứu, có tới 62,9% bậc bố mẹ ở khu vực phía Bắc và 57,7% bậc cha mẹ ở phía Nam dành chưa đến 30 phút/ngày cho hoạt động vui chơi, giải trí cùng con cái; 46,2% cha mẹ ở Miền Bắc và 20,2% ở Miền Nam chỉ dành khoảng thời gian là 15 phút/ngày cho hoạt động này. Khi không tìm thấy niềm yêu thương, an ủi từ phía gia đình thì trẻ sẽ dễ tìm đến những “sự an ủi” khác ngoài xã hội. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc trẻ dễ rơi vào những cám dỗ, chạm bẫy đầy bất trắc.

Để hướng trẻ vào những hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh, các gia đình cần phải chủ động giáo dục, dành nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc, nắm bắt được đặc điểm tâm, sinh lý của con cái để định hướng, uốn nắn, khuyến khích con cái tham gia vào các hoạt động bổ ích, thiết thực, hướng đến những giá trị chân, thiện, mỹ. Đồng thời, các gia đình cần thường xuyên tăng cường kết hợp với nhà trường và các tổ chức, đoàn thể ở cộng đồng kiểm soát chặt chẽ diễn biến tâm tư, tình cảm và chế độ sinh hoạt trong và ngoài giờ đến trường của trẻ.

3. Sự thay đổi giữa giá trị gia đình truyền thống và giá trị gia đình hiện đại

Trong quá trình chuyển đổi từ truyền thống đến hiện đại, cùng với sự tiếp thu những giá trị mới, những xung đột về giá trị (giữa truyền thống và hiện đại) sẽ tác động đến sự phát triển không ổn định của gia đình, như: xung đột giữa “quyền lực truyền thống” của nam giới trong gia đình với sự bình đẳng giới, giữa quyền trẻ em với sự áp đặt của cha mẹ, giữa tự do sống chung không kết hôn, tự do tình dục với việc tuân thủ luật pháp, phong tục và đạo đức truyền thống... Đây là một loạt những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển của gia đình ở Việt Nam. Việc bảo lưu các giá trị truyền thống tốt đẹp và tiếp thu những giá trị hiện đại sẽ được thực hiện như thế nào? Nếu xa rời các giá trị truyền thống sẽ dẫn đến “đứt đoạn văn hóa gia đình”. Nếu không tiếp thu những giá trị hiện đại, gia đình sẽ trở nên lạc hậu, bảo thủ. Vì vậy, cần phải tiếp thu có chọn lọc những tiến bộ của giá trị hiện đại nhưng không được quay lưng với giá trị truyền thống còn phù hợp với thời đại. Đó chính là sự liên tục và phát triển của văn hóa gia đình.

4. Sự chênh lệch về thu nhập giữa các hộ gia đình và sự gia tăng tệ nạn xã hội

Trong điều kiện xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hộ gia đình đã trở lại là một đơn vị kinh tế tự chủ. Kinh tế hộ phát triển, các gia đình đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo, phát triển được tiềm lực kinh tế. Tuy nhiên bên cạnh đó, nhiều gia đình ở thành thị cũng như nông thôn cũng gặp không ít khó khăn trong tìm kiếm, mở rộng việc làm và thu nhập. Vấn đề thu nhập giữa các gia đình đã có sự chênh lệch, phân tầng, sự phân hóa giàu nghèo giữa các hộ gia đình diễn ra nhanh chóng (hiện nay chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị khoảng 13,86 lần). Đảng, Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm giúp những hộ gia đình không thích ứng hoặc không có điều kiện phát triển trong cơ chế thị trường có cơ hội xóa đói giảm nghèo, tự vươn lên trong sự nghiệp đổi mới. Trong vài năm gần đây, công cuộc xóa đói giảm nghèo đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo vẫn chưa thể thu hẹp trong một thời gian ngắn, nó đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu của toàn xã hội và đặc biệt là sự tự vươn lên của chính các gia đình nghèo

Bên cạnh những yếu tố tích cực, mặt trái của kinh tế thị trường cũng đã tạo ra một số hậu quả tiêu cực cho sự phát triển của gia đình, trong đó tệ nạn xã hội gia tăng đang là một vấn đề nhức nhối đối với toàn xã hội và khắp các gia đình. Số lượng trẻ em hư, vi phạm pháp luật ngày một tăng. Theo báo cáo của Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em (nay là Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em), số trẻ lang thang năm 1998 là 19.048 em, đến năm 2000 đã lên tới 22.423 em. Trẻ nghiện ma túy năm 1998 có 2.755 em, năm 2000 còn 2.008 em. Tỷ lệ trẻ vị thành niên phạm tội trong tổng số các bị cáo tăng lên hàng năm: tội phạm về trộm cắp năm 1998 chiếm 7,48% đến năm 2000 là 9,86%, tội phạm về ma túy năm 1998 chiếm 0,9% đến năm 2000 đã lên tới 2,83%. Những con số trên đây cho thấy, số lượng trẻ em có các hành vi sai lệch, vi phạm pháp luật ngày càng cao, mức độ vi phạm ngày một phức tạp và nghiêm trọng hơn.

5. Vấn đề phát triển kinh tế hộ gia đình

Trong thời gian tới, kinh tế hộ gia đình sẽ phát triển theo hướng sản xuất kinh doanh hàng hóa chuyên sâu. Bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, kinh tế hộ gia đình cũng phải đối mặt với qui luật cạnh tranh và chấp nhận sự rủi ro của thị trường. Sự phát triển kinh tế hộ phụ thuộc nhiều vào cơ hội tiếp cận, sử dụng nguồn lực, vốn, kỹ năng và công nghệ tiên tiến... Nếu vốn, kỹ thuật, nguồn lực không được sử dụng hiệu quả thì năng suất sẽ thấp, sức cạnh tranh của sản phẩm sẽ hạn chế, rủi ro sẽ lớn hơn. Trở ngại này chỉ có thể được tháo gỡ khi có sự giúp đỡ tích cực của Nhà nước trong việc định hướng phát triển kinh tế, nhằm phát huy được năng lực sản xuất kinh doanh của các hộ, trong đó phát triển kinh tế trang trại trong nông - lâm - ngư

ng nghiệp, kinh tế tư nhân trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ là một trong những vấn đề cần được Nhà nước quan tâm hỗ trợ các thành phần kinh tế, các gia đình cùng đồng hành phát triển.

Trước những thách thức, để gia đình thích ứng với quá trình CNH, HĐH đất nước, vấn đề đặt ra là định hướng phát triển gia đình ở Việt Nam phải theo những tiêu chí văn hóa, lối sống phù hợp với điều kiện mới của nền văn minh công nghiệp, đồng thời phải hài hòa với những giá trị truyền thống của gia đình ở Việt Nam, đây là một trong những yêu cầu cấp bách hiện nay.

Gia đình và sự phát triển của gia đình đã được Đảng và Nhà nước quan tâm trong suốt quá trình lãnh đạo xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước đầu thế kỷ XXI có nhiều biến động, những thách thức đặt ra đối với gia đình ở Việt Nam là vấn đề không đơn giản. Song, với quan điểm và mục tiêu đúng đắn về xây dựng và quản lý nhà nước về gia đình, cùng với sự ổn định, chủ động vươn lên của các gia đình trong thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, chúng ta có thể tin tưởng vào sự phát triển bền vững của gia đình ở Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.116 - 117.
2. *Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2001- 2010*.
3. Trung tâm Nghiên cứu khoa học về Gia đình và phụ nữ, *Số liệu điều tra cơ bản về gia đình Việt Nam và người phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá* (Khu vực Miền Bắc). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2002.
4. Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, *Số liệu khảo sát xã hội học về cấu trúc, chức năng, vai trò của gia đình Hà Nội*, 2002.
5. Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam. *Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu thu thập thông tin tư liệu về chủ trương, chính sách của các nước về vấn đề gia đình*, 2002.
6. Lê Thi, *Gia đình Việt Nam trong bối cảnh đất nước đổi mới*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2002.
7. Đỗ Thị Bình, Lê Ngọc Văn, Nguyễn Linh Khiếu, *Gia đình Việt Nam và người phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2002.
8. Tổng Cục thống kê, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999.
9. Tổng Cục thống kê, *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002*. Hà Nội 2003.
10. *Tội phạm ở lứa tuổi chưa thành niên ở Việt Nam năm 1996-2000*, Khoa Luật, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội, 2000.

11. Lê Ngọc Văn, *Gia đình Việt Nam với chức năng xã hội hoá*. Nxb Giáo dục Hà Nội 1996.
12. Phạm Tất Dong (Chủ biên), *Gia đình và cộng đồng trong sự nghiệp Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*. Hà Nội 2001.
13. Nguyễn Sinh Huy, *Gia đình Việt Nam trong xu thế phát triển bước vào thế kỷ XXI*. Đề tài xây dựng nội dung cần bồi dưỡng cho cha mẹ học sinh để giải quyết một số vấn đề cấp bách trong giáo dục con hiện nay, 2000.
14. Nguyễn Thị Quyên, *Phân tích công tác giáo dục trẻ em làm trái pháp luật ở Trường Giáo dưỡng số 4 và những kiến nghị cải thiện về nội dung và biện pháp đào tạo giáo dục viên*. TP Hồ Chí Minh, 2-2002. (Tiểu luận tốt nghiệp khoá đào tạo cán bộ xã hội làm việc với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt).
15. Lê Tiêu La, Lê Ngọc Hùng, *Vấn đề giới trong kinh tế hộ: Tìm hiểu phân công lao động nam nữ trong gia đình ngư dân ven biển Miền Trung*. Tạp chí *Xã hội học* số 3 (63), 1998.